

Số: 5526/QĐ-ĐHYD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-BYT ngày 27 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5030/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2330/QĐ-ĐHYD ngày 30 tháng 7 năm 2015 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3449/QĐ-ĐHYD-SDH ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc công nhận học viên khóa 2015-2017 vào học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 4493/QĐ-ĐHYD ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc tiếp nhận lưu học sinh Campuchia năm 2015 vào học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Biên bản số 1585/BC-ĐHYD-SDH ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc họp Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ năm 2017;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học,

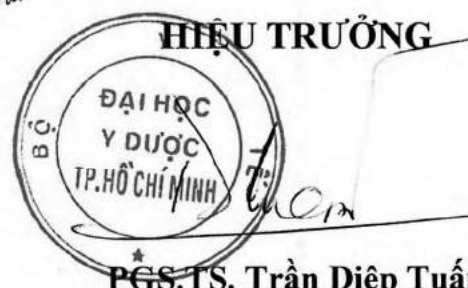
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho 337 (ba trăm ba mươi bảy) học viên khóa 2015 – 2017 thuộc 32 (ba mươi hai) chuyên ngành (danh sách đính kèm), kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 2. Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng Khoa/Bộ môn và học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (đề b/c);
- Lưu: VT, P.ĐTSDH.



PGS.TS. Trần Diệp Tuấn

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN
TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ NĂM 2017**
(Kèm theo Quyết định số 5526/QĐ-ĐHYD ngày 18 tháng 12 năm 2017)

1. Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc: 18 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
1	Trần Thanh Bình	Nam	17/5/1991	Bến Tre	001/2017/ThS/ĐHYD
2	Nguyễn Ngọc Anh Đào	Nữ	15/02/1988	Vĩnh Long	002/2017/ThS/ĐHYD
3	Phan Trọng Đạt	Nam	10/3/1991	Quảng Ngãi	003/2017/ThS/ĐHYD
4	Nguyễn Yên Hà	Nữ	04/11/1991	Đồng Nai	004/2017/ThS/ĐHYD
5	Huỳnh Nam Hải	Nam	15/5/1991	Quảng Ngãi	005/2017/ThS/ĐHYD
6	Huỳnh Văn Hậu	Nam	11/01/1987	Thừa Thiên - Huế	006/2017/ThS/ĐHYD
7	La Thị Hồng Lan	Nữ	03/01/1988	Quảng Nam	007/2017/ThS/ĐHYD
8	Nguyễn Minh Luân	Nam	31/3/1975	An Xuyên	008/2017/ThS/ĐHYD
9	Phan Thị Diễm Ly	Nữ	21/9/1990	Quảng Ngãi	009/2017/ThS/ĐHYD
10	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	09/8/1985	Sông Bé	010/2017/ThS/ĐHYD
11	Phạm Bảo Ngọc	Nữ	29/9/1991	Đồng Tháp	011/2017/ThS/ĐHYD
12	Nguyễn Thị Xuân Nhi	Nữ	04/02/1985	Thừa Thiên - Huế	012/2017/ThS/ĐHYD
13	Nguyễn Duy Phương	Nam	30/10/1991	Tây Ninh	013/2017/ThS/ĐHYD
14	Trương Như Kiều Phương	Nữ	31/12/1985	Tiền Giang	014/2017/ThS/ĐHYD
15	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	07/4/1991	Đắk Lắk	015/2017/ThS/ĐHYD
16	Võ Minh Thư	Nam	21/7/1988	Tiền Giang	016/2017/ThS/ĐHYD
17	Đinh Văn Toàn	Nam	20/12/1989	Phú Yên	017/2017/ThS/ĐHYD
18	Nguyễn Hữu Vĩnh Trung	Nam	02/5/1990	Hà Tĩnh	018/2017/ThS/ĐHYD

2. Đa liệu: 08 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
19	Nguyễn Trần Diễm Châu	Nữ	05/01/1988	TP. Hồ Chí Minh	019/2017/ThS/ĐHYD
20	Nguyễn Duy Hải	Nam	15/7/1989	Tiền Giang	020/2017/ThS/ĐHYD
21	Nguyễn Trọng Hiếu	Nam	30/9/1989	TP. Hồ Chí Minh	021/2017/ThS/ĐHYD
22	Lê Thị Loan	Nữ	07/4/1988	Bình Định	022/2017/ThS/ĐHYD
23	Lê Ngọc Phụng	Nữ	1990	Cần Thơ	023/2017/ThS/ĐHYD
24	Nguyễn Minh Phương	Nam	25/3/1989	TP. Hồ Chí Minh	024/2017/ThS/ĐHYD
25	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	23/7/1987	TP. Hồ Chí Minh	025/2017/ThS/ĐHYD
26	Trương Tiểu Vi	Nữ	24/10/1989	Trà Vinh	026/2017/ThS/ĐHYD

3. Điều dưỡng: 21 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
27	Phạm Thị Thu Dung	Nữ	12/02/1971	Bình Thuận	027/2017/ThS/ĐHYD
28	Đỗ Thị Thúy Duy	Nữ	26/12/1986	Quảng Nam	028/2017/ThS/ĐHYD
29	Nguyễn Thị Gái	Nữ	02/02/1989	Sóc Trăng	029/2017/ThS/ĐHYD
30	Ngô Lê Hoàng Giang	Nam	26/6/1980	Vĩnh Long	030/2017/ThS/ĐHYD

31	Ngô Thanh Hải	Nam	12/10/1989	Tiền Giang	031/2017/ThS/ĐHYD
32	Bùi Thị Thúy Hằng	Nữ	20/01/1987	Nghệ An	032/2017/ThS/ĐHYD
33	Lê Ngọc Lan	Nữ	20/9/1974	TP. Hồ Chí Minh	033/2017/ThS/ĐHYD
34	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	08/01/1983	Cần Thơ	034/2017/ThS/ĐHYD
35	Tôn Nữ Diễm Lynh	Nữ	10/4/1990	Huế	035/2017/ThS/ĐHYD
36	Võ Thị Hồng Nhân	Nữ	01/3/1992	Bến Tre	036/2017/ThS/ĐHYD
37	Võ Thị Yến Nhi	Nữ	08/12/1990	Kiên Giang	037/2017/ThS/ĐHYD
38	Đặng Thị Minh Phượng	Nữ	02/10/1988	TP. Hồ Chí Minh	038/2017/ThS/ĐHYD
39	Lê Kim Tha	Nữ	1988	Bạc Liêu	039/2017/ThS/ĐHYD
40	Lê Thị Cẩm Thu	Nữ	10/9/1970	Long An	040/2017/ThS/ĐHYD
41	Huỳnh Thị Hồng Thu	Nữ	01/4/1987	Hậu Giang	041/2017/ThS/ĐHYD
42	Huỳnh Thị Thu Thủy	Nữ	16/1/1975	Bình Định	042/2017/ThS/ĐHYD
43	Võ Thị Mai Trâm	Nữ	07/10/1987	TP. Hồ Chí Minh	043/2017/ThS/ĐHYD
44	Trần Thị Tú Trinh	Nữ	23/12/1989	Tiền Giang	044/2017/ThS/ĐHYD
45	Nguyễn Văn Trung	Nam	15/8/1990	Bến Tre	045/2017/ThS/ĐHYD
46	Lê Ngọc Tuyết	Nữ	26/9/1982	TP. Hồ Chí Minh	046/2017/ThS/ĐHYD
47	Lê Thị Mỹ Việt	Nữ	10/9/1989	Ninh Thuận	047/2017/ThS/ĐHYD

4. Dược học cổ truyền: 07 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
48	Nguyễn Thu Ánh	Nữ	09/10/1991	Đà Nẵng	048/2017/ThS/ĐHYD
49	Ngô Văn Cường	Nam	28/3/1991	Phú Yên	049/2017/ThS/ĐHYD
50	Lê Ngọc Danh	Nam	04/02/1974	Quảng Ngãi	050/2017/ThS/ĐHYD
51	Huỳnh Trần Quốc Dũng	Nam	30/12/1991	TP. Hồ Chí Minh	051/2017/ThS/ĐHYD
52	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Nữ	18/10/1990	Quảng Nam	052/2017/ThS/ĐHYD
53	Trần Thạch Thảo	Nữ	18/5/1990	Đồng Nai	053/2017/ThS/ĐHYD
54	Cao Thị Mỹ Vân	Nữ	29/8/1989	Quảng Ngãi	054/2017/ThS/ĐHYD

5. Dược lý và dược lâm sàng: 30 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
55	Phạm Hoài Anh	Nam	22/7/1991	Quảng Ngãi	055/2017/ThS/ĐHYD
56	Đào Thị Mai Anh	Nữ	08/10/1990	Đồng Nai	056/2017/ThS/ĐHYD
57	Trần Thị Nguyệt Ánh	Nữ	08/3/1988	Bình Định	057/2017/ThS/ĐHYD
58	Lý Thị Kim Dung	Nữ	22/12/1989	Quảng Ngãi	058/2017/ThS/ĐHYD
59	Đỗ Thị Phương Dung	Nữ	19/9/1989	Đắk Lắk	059/2017/ThS/ĐHYD
60	Nguyễn Tổ Giang	Nữ	08/01/1989	Đồng Nai	060/2017/ThS/ĐHYD
61	Lê Phan Thu Giang	Nữ	04/12/1989	Đắk Lắk	061/2017/ThS/ĐHYD
62	Trần Thị Hà	Nữ	20/8/1991	Đắk Lắk	062/2017/ThS/ĐHYD
63	Phạm Thị Kim Huệ	Nữ	04/10/1988	Kon Tum	063/2017/ThS/ĐHYD
64	Tô Nguyễn Phi Khanh	Nam	17/10/1989	Bình Định	064/2017/ThS/ĐHYD
65	Phạm Xuân Khôi	Nam	12/10/1991	TP. Hồ Chí Minh	065/2017/ThS/ĐHYD
66	Hoàng Thị Phương Liên	Nữ	28/9/1989	Quảng Bình	066/2017/ThS/ĐHYD
67	Nguyễn Bá Lộc	Nam	07/1/1991	TP. Hồ Chí Minh	067/2017/ThS/ĐHYD
68	Trần Thụy Hoàng Mai	Nữ	21/4/1990	TP. Hồ Chí Minh	068/2017/ThS/ĐHYD
69	Lý Phương Mỹ	Nữ	01/06/1986	Trà Vinh	069/2017/ThS/ĐHYD
70	Trần Ngọc Thanh Ngân	Nữ	04/10/1988	TP. Hồ Chí Minh	070/2017/ThS/ĐHYD
71	Trương Nguyễn Bích Ngọc	Nữ	11/11/1985	Thừa Thiên - Huế	071/2017/ThS/ĐHYD
72	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Nữ	02/02/1991	Đồng Nai	072/2017/ThS/ĐHYD

73	Phan Nguyễn Minh Phương	Nữ	06/10/1987	TP. Hồ Chí Minh	073/2017/ThS/ĐHYD
74	Vưu Thanh Tú Quyên	Nữ	30/3/1991	Bạc Liêu	074/2017/ThS/ĐHYD
75	Tổng Minh Tâm	Nam	26/7/1991	Bình Dương	075/2017/ThS/ĐHYD
76	Đoàn Ngọc Ý Thi	Nữ	06/9/1987	Quảng Ngãi	076/2017/ThS/ĐHYD
77	Nguyễn Dương Ngọc Thới	Nam	10/5/1990	TP. Hồ Chí Minh	077/2017/ThS/ĐHYD
78	Đỗ Thị Thùy	Nữ	16/12/1986	Hưng Yên	078/2017/ThS/ĐHYD
79	Phạm Thị Thủy Tiên	Nữ	17/5/1989	Đà Nẵng	079/2017/ThS/ĐHYD
80	Nguyễn Ngọc Cẩm Trúc	Nữ	18/02/1984	Bến Tre	080/2017/ThS/ĐHYD
81	Nguyễn Lê Thanh Tuyền	Nữ	16/8/1991	Bình Thuận	081/2017/ThS/ĐHYD
82	Vương Tô Uyên	Nữ	12/3/1990	Quảng Nam	082/2017/ThS/ĐHYD
83	Đoàn Văn Viên	Nam	01/01/1991	Quảng Nam	083/2017/ThS/ĐHYD
84	Hoàng Thị Vinh	Nữ	14/11/1985	Đắk Lắk	084/2017/ThS/ĐHYD

6. Gây mê hồi sức: 04 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
85	Lê Vũ Linh	Nam	12/12/1990	Vĩnh Long	085/2017/ThS/ĐHYD
86	Doanh Đức Long	Nam	09/01/1989	Lâm Đồng	086/2017/ThS/ĐHYD
87	Đỗ Việt Nam	Nam	19/8/1988	Gia Lai	087/2017/ThS/ĐHYD
88	Quách Trương Nguyễn	Nam	1987	Bạc Liêu	088/2017/ThS/ĐHYD

7. Kiểm nghiệm thuốc và độc chất: 13 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
89	Cao Thị Thu Giang	Nữ	07/9/1989	Kiên Giang	089/2017/ThS/ĐHYD
90	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	03/12/1991	Phú Yên	090/2017/ThS/ĐHYD
91	Hà Thị Huê	Nữ	08/9/1986	Nam Định	091/2017/ThS/ĐHYD
92	Lê Thanh Long	Nam	07/12/1988	Tây Ninh	092/2017/ThS/ĐHYD
93	Nguyễn Hoàng Thảo My	Nữ	15/11/1991	Tiền Giang	093/2017/ThS/ĐHYD
94	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	13/01/1990	Thừa Thiên - Huế	094/2017/ThS/ĐHYD
95	Đỗ Thị Quỳnh Quyên	Nữ	07/8/1990	Quảng Ngãi	095/2017/ThS/ĐHYD
96	Nguyễn Cảnh Thu	Nam	30/3/1990	Nghệ An	096/2017/ThS/ĐHYD
97	Huỳnh Thị Như Thúy	Nữ	27/01/1990	Gia Lai	097/2017/ThS/ĐHYD
98	Trương Trần Trang	Nữ	05/12/1987	Cửu Long	098/2017/ThS/ĐHYD
99	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	Nữ	26/01/1982	TP. Hồ Chí Minh	099/2017/ThS/ĐHYD
100	Trần Việt Tuấn	Nam	28/7/1962	Đồng Nai	100/2017/ThS/ĐHYD
101	Nguyễn Tường Vân	Nữ	23/8/1990	Bến Tre	101/2017/ThS/ĐHYD

8. Lao: 05 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
102	Nguyễn Thị Hà	Nữ	11/7/1986	Hải Dương	102/2017/ThS/ĐHYD
103	Lương Thị Mỹ Linh	Nữ	25/12/1989	Cà Mau	103/2017/ThS/ĐHYD
104	Danh Mện	Nam	08/8/1986	Kiên Giang	104/2017/ThS/ĐHYD
105	Cao Văn Nghiệp	Nam	21/9/1964	Bến Tre	105/2017/ThS/ĐHYD
106	Hoàng Thanh Toàn	Nam	30/9/1986	Lâm Đồng	106/2017/ThS/ĐHYD

9. Ngoại khoa: 11 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
107	Đặng Duy Anh	Nam	01/01/1989	Cần Thơ	107/2017/ThS/ĐHYD
108	Nguyễn Anh Bình	Nam	16/8/1988	Kiên Giang	108/2017/ThS/ĐHYD
109	Nget Chandarith	Nam	15/10/1986	Campuchia	109/2017/ThS/ĐHYD
110	Trần Hữu Duy	Nam	30/7/1987	TP. Hồ Chí Minh	110/2017/ThS/ĐHYD
111	Bành Trung Hiếu	Nam	06/02/1989	An Giang	111/2017/ThS/ĐHYD
112	Nguyễn Hoàng Khánh	Nam	06/4/1988	Long An	112/2017/ThS/ĐHYD
113	Hoàng Thanh Ngân	Nam	15/3/1988	Đắk Lắk	113/2017/ThS/ĐHYD
114	Nguyễn Thành Nhân	Nam	20/10/1987	Bến Tre	114/2017/ThS/ĐHYD
115	Trần Đình Phú	Nam	20/4/1990	TP. Hồ Chí Minh	115/2017/ThS/ĐHYD
116	Phan Văn Sơn	Nam	08/10/1990	Đắk Lắk	116/2017/ThS/ĐHYD
117	Tạ Ngọc Tiên	Nam	14/5/1990	Quảng Ngãi	117/2017/ThS/ĐHYD

10. Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình): 06 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
118	Nguyễn Văn Huy	Nam	18/01/1988	Thái Bình	118/2017/ThS/ĐHYD
119	Nguyễn Chí Nguyễn	Nam	24/5/1986	Cà Mau	119/2017/ThS/ĐHYD
120	Khun Sokhuon	Nam	12/6/1988	Campuchia	120/2017/ThS/ĐHYD
121	Trần Hữu Thành	Nam	15/6/1990	Phú Yên	121/2017/ThS/ĐHYD
122	Phạm Phước Thọ	Nam	18/6/1987	An Giang	122/2017/ThS/ĐHYD
123	Nguyễn Đức Trí	Nam	29/11/1987	Đắk Lắk	123/2017/ThS/ĐHYD

11. Ngoại khoa (Ngoại - Lồng ngực): 07 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
124	Lý Hoàng Anh	Nam	28/6/1989	An Giang	124/2017/ThS/ĐHYD
125	Nguyễn Công Cửu	Nam	03/7/1988	Gia Lai	125/2017/ThS/ĐHYD
126	Mai Văn Đáng	Nam	22/10/1985	Hải Dương	126/2017/ThS/ĐHYD
127	Phan Sĩ Hiệp	Nam	18/4/1982	Bến Tre	127/2017/ThS/ĐHYD
128	Nguyễn Văn Hoạch	Nam	10/9/1990	Bình Định	128/2017/ThS/ĐHYD
129	Phạm Thiên Hà Minh Nguyệt	Nữ	12/5/1987	TP. Hồ Chí Minh	129/2017/ThS/ĐHYD
130	Nguyễn Quốc Tân	Nam	03/11/1977	Tiền Giang	130/2017/ThS/ĐHYD

12. Ngoại khoa (Ngoại - Nhi): 02 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
131	Bùi Quang Chiến	Nam	01/01/1985	Quảng Nam	131/2017/ThS/ĐHYD
132	Hồ Văn Anh Dũng	Nam	10/10/1979	TP. Hồ Chí Minh	132/2017/ThS/ĐHYD

13. Ngoại khoa (Ngoại - Niệu): 05 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
133	Phan Mạnh Linh	Nam	31/12/1990	Lâm Đồng	133/2017/ThS/ĐHYD
134	Đinh Quang Tín	Nam	14/10/1990	Bình Định	134/2017/ThS/ĐHYD
135	Lê Nho Tình	Nam	10/3/1989	Bình Thuận	135/2017/ThS/ĐHYD
136	Trang Võ Anh Vinh	Nam	27/02/1988	Long An	136/2017/ThS/ĐHYD
137	Phạm Huy Vũ	Nam	23/7/1988	TP. Hồ Chí Minh	137/2017/ThS/ĐHYD

14. Ngoại khoa (Ngoại thần kinh và sọ não): 03 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
138	Lưu Bình Dương	Nam	01/8/1990	Quảng Trị	138/2017/ThS/ĐHYD
139	Phạm Quốc Linh	Nam	08/2/1990	Gia Lai	139/2017/ThS/ĐHYD
140	Huỳnh Văn Vũ	Nam	27/10/1990	Đắk Lắk	140/2017/ThS/ĐHYD

15. Nhãn khoa: 05 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
141	Hoàng Liên Anh	Nữ	01/3/1990	TP. Hồ Chí Minh	141/2017/ThS/ĐHYD
142	Trần Đặng Đình Khang	Nam	01/11/1989	Cần Thơ	142/2017/ThS/ĐHYD
143	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	16/7/1990	TP. Hồ Chí Minh	143/2017/ThS/ĐHYD
144	Ngô Ngọc Minh Tâm	Nữ	24/01/1989	TP. Hồ Chí Minh	144/2017/ThS/ĐHYD
145	Mai Minh Thoại	Nam	18/8/1990	Gia Lai	145/2017/ThS/ĐHYD

16. Nhi khoa: 11 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
146	Bùi Thị Thu An	Nữ	04/11/1986	Ninh Thuận	146/2017/ThS/ĐHYD
147	Lý Ngọc Anh	Nữ	30/7/1990	Trà Vinh	147/2017/ThS/ĐHYD
148	Nguyễn Hà Giang	Nữ	11/01/1990	Đà Nẵng	148/2017/ThS/ĐHYD
149	Kiều Thị Kim Hương	Nữ	25/10/1985	Tiền Giang	149/2017/ThS/ĐHYD
150	Trần Thị Bích Kim	Nữ	09/9/1984	TP. Hồ Chí Minh	150/2017/ThS/ĐHYD
151	Hoàng Thị Liên Phụng	Nữ	16/12/1990	Quảng Bình	151/2017/ThS/ĐHYD
152	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	Nữ	11/3/1989	Đồng Nai	152/2017/ThS/ĐHYD
153	Nguyễn Duy Tân	Nam	19/10/1990	Long An	153/2017/ThS/ĐHYD
154	Phạm Huyền Quỳnh Trang	Nữ	12/11/1990	Đà Nẵng	154/2017/ThS/ĐHYD
155	Phạm Thị Kiều Trang	Nữ	02/11/1983	Thái Bình	155/2017/ThS/ĐHYD
156	Châu Tổ Uyên	Nữ	15/6/1986	Long An	156/2017/ThS/ĐHYD

17. Nội khoa: 14 học viên

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng
157	Lê Thị Kim An	Nữ	27/4/1985	TP. Hồ Chí Minh	157/2017/ThS/ĐHYD
158	Mã Vĩnh Đạt	Nam	28/8/1987	Kiên Giang	158/2017/ThS/ĐHYD
159	Nguyễn Nữ Minh Hà	Nữ	05/9/1988	TP. Hồ Chí Minh	159/2017/ThS/ĐHYD
160	Lưu Thị Kim Hân	Nữ	16/11/1990	Quảng Nam	160/2017/ThS/ĐHYD
161	Tôn Thất Thanh Long	Nam	10/9/1990	Đà Nẵng	161/2017/ThS/ĐHYD
162	Khưu Kim Phong	Nam	22/11/1989	Cần Thơ	162/2017/ThS/ĐHYD
163	Nguyễn Lê Hoàng Phụng	Nam	21/7/1988	TP. Hồ Chí Minh	163/2017/ThS/ĐHYD
164	Trần Lê Uyên Phương	Nữ	30/5/1981	TP. Hồ Chí Minh	164/2017/ThS/ĐHYD
165	Hà Như Quý	Nữ	22/9/1990	Long An	165/2017/ThS/ĐHYD
166	Lê Thị Thu Thủy	Nữ	15/03/1986	Đắk Lắk	166/2017/ThS/ĐHYD
167	Huỳnh Lê Trọng Tường	Nam	25/9/1984	Cà Mau	167/2017/ThS/ĐHYD
168	Hồ Thị Hoàng Uyên	Nữ	15/9/1988	Bà Rịa-Vũng Tàu	168/2017/ThS/ĐHYD
169	Đặng Quỳnh Giao Vũ	Nữ	31/3/1989	TP. Hồ Chí Minh	169/2017/ThS/ĐHYD
170	Lê Nguyên Hải Yến	Nữ	12/9/1983	TP. Hồ Chí Minh	170/2017/ThS/ĐHYD